HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 17/2011/NQ-HĐND	*Thanh Hoá, ngày 17 tháng 12 năm 2011*

NGHỊ QUYẾT
Về việc phê chuẩn tổng biên chế hành chính, sự nghiệp nhà nước tỉnh Thanh Hoá năm 2012

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 3

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 8 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 112/2004/NĐ-CP ngày 8 tháng 4 năm 2004 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý biên chế đối với đơn vị sự nghiệp nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 71/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về phân cấp quản lý biên chế hành chính, sự nghiệp nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 07/2010/TT-BNV ngày 26 tháng 7 năm 2010 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều quy định tại Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Sau khi xem xét Tờ trình số 113/TTr-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 404/BC-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2011 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành Tờ trình số 113/TTr-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê chuẩn biên chế hành chính, sự nghiệp tỉnh Thanh Hoá năm 2012 như sau:

1. Biên chế hành chính nhà nước: 4.223 biên chế.

2. Biên chế sự nghiệp nhà nước: 9.141 biên chế, bao gồm:

a) Sự nghiệp Y tế: 6.891 biên chế.

b) Sự nghiệp văn hoá, thể thao và du lịch: 1.031 biên chế.

c) Sự nghiệp khác: 1.219 biên chế.

d) Đối với Sự nghiệp giáo dục - đào tạo: Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, xác định cụ thể nhu cầu biên chế sự nghiệp giáo dục - đào tạo ở từng địa phương trên phạm vi toàn tỉnh và thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để giao chỉ tiêu biên chế sự nghiệp giáo dục cụ thể cho từng đơn vị trước ngày 28/02/2012 và báo cáo với Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Điều 2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khoá XVI, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 17 tháng 12 năm 2011./.

Nơi nhận:
- VPQH, VPCP, VPCTN;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL;
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND; UBND tỉnh;
- Đại biểu QH, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- VP Tỉnh ủy, VP HĐND, VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Mai Văn Ninh

PHỤ LỤC

BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH, SỰ NGHIỆP CỦA CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ; CÁC SỞ, CƠ QUAN NGANG SỞ, CƠ QUAN THUỘC UBND TỈNH NĂM 2012

(Kèm theo Nghị quyết số 17/2011/ NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá)

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch năm 2012					
		Tổng số	Trong đó				
			Quản lý NN	Sự nghiệp	Chia ra		
					YT	VH-TT	SN khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
A	**CẤP HUYỆN**	**2.772**	**2.079**	**693**	**0**	**522**	**171**
1	**Mường Lát**	**83**	**62**	**21**	**0**	**17**	**4**
	- TT văn hoá -TT	4		4		4	
	- Đài truyền thanh	13		13		13	
	-Trạm khuyến nông	4		4			4
2	**Quan Sơn**	**84**	**63**	**21**	**0**	**17**	**4**
	- TT văn hoá -TT	4		4		4	
	- Đài truyền thanh	13		13		13	
	-Trạm khuyến nông	4		4			4
3	**Quan Hoá**	**98**	**71**	**27**	**0**	**22**	**5**
	- TT văn hoá -TT	5		5		5	
	- Đài truyền thanh	17		17		17	
	-Trạm khuyến nông	5		5			5
4	**Bá Thước**	**109**	**79**	**30**	**0**	**25**	**5**
	- TT văn hoá -TT	9		9		9	
	- Đài truyền thanh	16		16		16	
	-Trạm khuyến nông	5		5			5
5	**Lang Chánh**	**92**	**67**	**25**	**0**	**20**	**5**
	- TT văn hoá -TT	7		7		7	
	- Đài truyền thanh	13		13		13	
	-Trạm khuyến nông	5		5			5
6	**Thường Xuân**	**111**	**80**	**31**	**0**	**25**	**6**
	- TT văn hoá -TT	10		10		10	
	- Đài truyền thanh	15		15		15	
	-Trạm khuyến nông	6		6			6
7	**Như Xuân**	**96**	**68**	**28**	**0**	**23**	**5**
	- TT văn hoá -TT	6		6		6	
	- Đài truyền thanh	17		17		17	
	-Trạm khuyến nông	5		5			5
8	**Như Thanh**	**88**	**66**	**22**	**0**	**17**	**5**
	- TT văn hoá -TT	5		5		5	

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch năm 2012					
		Tổng số	Trong đó				
			Quản lý NN	Sự nghiệp	Chia ra		
					YT	VH-TT	SN khác
	- Đài truyền thanh	12		12		12	
	-Trạm khuyến nông	5		5			5
9	**Ngọc Lặc**	**103**	**77**	**26**	**0**	**21**	**5**
	- TT văn hoá -TT	7		7		7	
	- Đài truyền thanh	14		14		14	
	-Trạm khuyến nông	5		5			5
10	**Cẩm Thuỷ**	**101**	**74**	**27**	**0**	**22**	**5**
	- TT văn hoá -TT	10		10		10	
	- Đài truyền thanh	12		12		12	
	-Trạm khuyến nông	5		5			5
11	**Thạch Thành**	**106**	**79**	**27**	**0**	**21**	**6**
	- TT văn hoá -TT	12		12		12	
	- Đài truyền thanh	9		9		9	
	-Trạm khuyến nông	6		6			6
12	**Vĩnh Lộc**	**90**	**67**	**23**	**0**	**18**	**5**
	- TT văn hoá -TT	11		11		11	
	- Đài truyền thanh	7		7		7	
	-Trạm khuyến nông	5		5			5
13	**Thọ Xuân**	**113**	**85**	**28**	**0**	**21**	**7**
	- TT văn hoá -TT	12		12		12	
	- Đài truyền thanh	9		9		9	
	-Trạm khuyến nông	7		7			7
14	**Triệu Sơn**	**105**	**82**	**23**	**0**	**16**	**7**
	- TT văn hoá -TT	8		8		8	
	- Đài truyền thanh	8		8		8	
	-Trạm khuyến nông	7		7			7
15	**Nông Cống**	**104**	**79**	**25**	**0**	**18**	**7**
	- TT văn hoá -TT	10		10		10	
	- Đài truyền thanh	8		8		8	
	-Trạm khuyến nông	7		7			7
16	**Yên Định**	**96**	**76**	**20**	**0**	**15**	**5**
	- TT văn hoá -TT	8		8		8	
	- Đài truyền thanh	7		7		7	
	-Trạm khuyến nông	5		5			5
17	**Thiệu Hoá**	**94**	**77**	**17**	**0**	**12**	**5**
	- TT văn hoá -TT	6		6		6	
	- Đài truyền thanh	6		6		6	
	-Trạm khuyến nông	5		5			5

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch năm 2012					
		Tổng số	Trong đó				
			Quản lý NN	Sự nghiệp	Chia ra		
					YT	VH-TT	SN khác
18	**Đông Sơn**	**86**	**65**	**21**	**0**	**16**	**5**
	- TT văn hoá -TT	9		9		9	
	- Đài truyền thanh	7		7		7	
	-Trạm khuyến nông	5		5			5
19	**Hà Trung**	**89**	**70**	**19**	**0**	**14**	**5**
	- TT văn hoá -TT	7		7		7	
	- Đài truyền thanh	7		7		7	
	-Trạm khuyến nông	5		5			5
20	**Bỉm Sơn**	**92**	**66**	**26**	**0**	**18**	**8**
	- TT văn hoá -TT	11		11		11	
	- Đài truyền thanh	7		7		7	
	-Trạm khuyến nông	3		3			3
	Đội qui tắc đô thị	5		5			5
21	**Nga Sơn**	**100**	**77**	**23**	**0**	**18**	**5**
	- TT văn hoá -TT	9		9		9	
	- Đài truyền thanh	9		9		9	
	-Trạm khuyến nông	5		5			5
22	**Hậu Lộc**	**98**	**77**	**21**	**0**	**15**	**6**
	- TT văn hoá -TT	8		8		8	
	- Đài truyền thanh	7		7		7	
	-Trạm khuyến nông	6		6			6
23	**Hoằng Hoá**	**119**	**88**	**31**	**0**	**24**	**7**
	- TT văn hoá -TT	12		12		12	
	- Đài truyền thanh	12		12		12	
	-Trạm khuyến nông	7		7			7
24	**Quảng Xương**	**111**	**88**	**23**	**0**	**16**	**7**
	- TT văn hoá -TT	9		9		9	
	- Đài truyền thanh	7		7		7	
	-Trạm khuyến nông	7		7			7
25	**Tĩnh Gia**	**149**	**124**	**25**	**0**	**18**	**7**
	- TT văn hoá -TT	9		9		9	
	- Đài truyền thanh	9		9		9	
	-Trạm khuyến nông	7		7			7
26	**Sầm Sơn**	**96**	**70**	**26**		**17**	**9**
	- TT văn hoá -TT	10		10		10	
	- Đài truyền thanh	7		7		7	
	-Trạm khuyến nông	4		4			4
	- Đội quy tắc	5		5			5

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch năm 2012					
		Tổng số	Trong đó				
			Quản lý NN	Sự nghiệp	Chia ra		
					YT	VH-TT	SN khác
27	**TP Thanh Hoá**	**159**	**102**	**57**	**0**	**36**	**21**
	- TT văn hoá -TT	24		24		24	
	- Đài truyền thanh	12		12		12	
	- Đội Qui tắc TP	18		18			18
	-Trạm khuyến nông	3		3			3
B	**CẤP TỈNH**	**10.592**	**2.144**	**8.448**	**6.891**	**509**	**1.048**
28	**Sở Tài nguyên và MT**	**154**	**101**	**53**			**53**
	Cơ quan sở	85	85				
	Chi cục bảo vệ môi trường	16	16				
	VP đăng ký QSD đất	7		7			7
	TT TT Tài nguyên & MT	5		5			5
	Đoàn Mỏ- Địa chất	28		28			28
	TT Quan trắc và BVMT	10		10			10
	TT Công nghệ thông tin	3		3			3
29	**Sở Lao động - TB&XH**	**294**	**85**	**209**			**209**
	Cơ quan sở	75	75				
	Chi cục PCTNXH	10	10				
	TT Điều Dưỡng người có công	53		53			53
	TT chăm sóc SK người có công	15		15			15
	TT Bảo trợ xã hội	61		61			61
	TT Giáo dục- Lao động XH	35		35			35
	TT Bảo trợ xã hội 2	21		21			21
	TT chỉnh hình PHCN	9		9			9
	TT giới thiệu việc làm	13		13			13
	Quỹ bảo trợ trẻ em	2		2			2
30	**Sở Nông nghiệp và PTNT**	**1.145**	**596**	**549**			**549**
	Cơ quan sở	83	83				
	Chi cục Kiểm lâm	344	344				
	Chi cục Lâm nghiệp	19	19				
	Chi cục Thuỷ lợi	15	15				
	Chi cục ĐĐ&PCLB	99	18	81			81
	Chi cục Thú y	123	15	108			108
	Chi cục BVTV	105	16	89			89
	Chi cục KT và BV nguồn lợi TS	24	24				
	Chi cục phát triển nông thôn	45	45				
	Chi cục QL chất lượng NLS&TS	19	12	7			7
	Vườn quốc gia Bến en	75		75			75

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch năm 2012					
		Tổng số	Trong đó				
			Quản lý NN	Sự nghiệp	Chia ra		
					YT	VH-TT	SN khác
	TT khuyến nông	40		40			40
	TT nước SH&VSMT	10		10			10
	TT NCƯD KHCN Lâm nghiệp	12		12			12
	TT NCƯD giống CTNN	12		12			12
	TT NCƯDKHKT chăn nuôi	10		10			10
	TT NCƯD KHKT Thuỷ sản	10		10			10
	12 Ban QL rừng phòng hộ	93		93			93
	Đoàn chỉ đạo PT KTXH Mường Lát	7	5	2			2
31	**Sở Tư pháp**	**76**	**42**	**34**			**34**
	Cơ quan sở	42	42				
	TT bán đấu giá TS	6		6			6
	TT trợ giúp PL	18		18			18
	3 Phòng công chứng	10		10			10
32	**Sở Công Thương**	**260**	**244**	**16**			**16**
	Cơ quan sở	69	69				
	Chi cục QLTT	175	175				
	TT khuyến công và XT TM	16		16			16
33	**Sở Xây dựng**	**69**	**69**	**0**			
	Cơ quan sở	69	69				
34	**Sở Giao thông vận tải**	**86**	**83**	**3**	**0**	**0**	**3**
	Cơ quan sở	83	83				
	Ban an toàn giao thông	3		3			3
35	**Sở Giáo dục và Đào tạo**	**78**	**78**	**0**			
	Cơ quan sở	78	78				
36	**VPUBND tỉnh**	**130**	**100**	**30**			**30**
	Cơ quan Văn phòng	92	92				
	Ban chỉ đạo PCTN	8	8				
	Nhà khách 25B	25		25			25
	Trung tâm công báo	5		5			5
37	**Văn phòng ĐĐBQH&HĐND**	**39**	**39**				
38	**Sở Nội vụ**	85	75	10			**10**
	Sở Nội vụ cũ	**42**	42				
	Ban Thi đua- khen thưởng	**11**	11				
	Ban Tôn giáo	**12**	12				
	Chi cục Văn thư- Lưu trữ	**20**	10	10			10
39	**Sở Tài chính**	**107**	**107**				
40	**Sở Y tế**	**6.977**	**86**	**6.891**	**6.891**		**0**
	Cơ quan sở	50	50				

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch năm 2012					
		Tổng số	Trong đó				
			Quản lý NN	Sự nghiệp	Chia ra		
					YT	VH-TT	SN khác
	Chi cục DS, GĐ, trẻ em	21	19	2	2		
	Chi cục An toàn VSTP	19	17	2	2		
	Các đơn vị sự nghiệp	6.887		6.887	6.887		
41	**Sở Khoa học và CN**	**88**	**67**	**21**			**21**
	Cơ quan sở	39	39				
	Chi cục tiêu chuẩn ĐLCL	28	28				
	TT nuôi cấy mô	5		5			5
	TT Thông tin ứng dụng CG KHCN	10		10			10
	TT Dịch vụ Kỹ thuật TC ĐLCL	6		6			6
42	**Sở Kế hoạch và ĐT**	**77**	**77**	0			**0**
43	**Sở Thông tin và TT**	**46**	**35**	**11**			**11**
	Cơ quan sở	35	35				
	TT công nghệ thông tin	11		**11**			11
44	**Sở Văn hoá- TT và DL**	**484**	**91**	**393**		**393**	
	Cơ quan sở	91	91				
	Thư viện tỉnh	27		27		27	
	Ban NC& BSLS	10		10		10	
	TT văn hoá tỉnh	31		31		31	
	TT TL&XT Du lịch	16		16		16	
	Bảo tàng tỉnh	22		22		22	
	Ban QL di tích & DT	16		16		16	
	Nhà hát CMKLS	75		75		75	
	Đoàn Cải lương	28		28		28	
	Đoàn chèo	35		35		35	
	Đoàn tuồng	30		30		30	
	TT bảo tồn DS thành Nhà Hồ	7		7		7	
	TT phát hành phim & chiếu bóng	39		39		39	
	Báo văn hoá -Đời sống	16		16		16	
	TT Huấn luyện và TĐ TDTT	36		36		36	
	Ban QL Di tích Lam Kinh	5		5		5	
45	**Thanh tra tỉnh**	**49**	**49**				
46	**Ban Quản lý Khu KTNS**	**82**	**66**	**16**			**16**
47	**Ban Dân tộc**	**29**	**29**				
48	**Sở Ngoại vụ**	**25**	**25**				
49	**Đài PT-TH**	**99**		**99**		**99**	
	Văn phòng đài	99		99		99	
50	**Trung tâm Quỹ đất**	**17**		**17**			**17**

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch năm 2012					
		Tổng số	Trong đó				
			Quản lý NN	Sự nghiệp	Chia ra		
					YT	VH-TT	SN khác
51	Hội văn học nghệ thuật	17		17			17
52	Hội chữ thập đỏ	11		11			11
53	Hội đông Y	9		9			9
54	Hội người mù	7		7			7
55	Hội làm vườn	4		4			4
56	Liên hiệp Hội khoa học	4		4			4
57	Hội bóng đá	1		1			1
58	Hội luật gia	2		2			2
59	Hội nhà báo	7		7			7
60	Liên minh các HTX	16		16			16
	Văn phòng	16		16			16
61	Hiệp hội DN tỉnh Thanh Hoá	1		1			1
62	Câu lạc bộ Bóng đá Thanh Hóa	17		17		17	
CỘNG KHỐI HUYỆN		2.772	2.079	693	0	522	171
CỘNG KHỐI TỈNH		10.592	2.144	8.448	6.891	509	1.048
CỘNG TOÀN TỈNH		13.364	4.223	9.141	6.891	1.031	1.219